

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 29 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chinh;

Ông **Phạm Kim An**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/11/1977; nơi cư trú: **Xóm E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1942 và bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1945 (đều đã chết); gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; có chồng là **Nguyễn Viết T1**, sinh năm 1971 và có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/6/2023 đến ngày 06/7/2023 chuyển tạm giam đến nay; “có mặt”.

*** Bị hại:**

- Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1973; bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; “vắng mặt”;

- Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1990; chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; “vắng mặt”.

*** Người làm chứng:**

- Ông **Đặng Xuân T4**, sinh năm 1958; “vắng mặt”;

- Ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1971; “vắng mặt”;
- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980; “vắng mặt”;
- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là thông gia với vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G. Khoảng tháng 6/2021, T biết được thông tin UBND xã X và UBND huyện X có kế hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 548m² thuộc xóm E (xóm A cũ), xã X. Do không có công việc ổn định và cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông bà Tường G1 bằng thủ đoạn rủ góp tiền mua chung mảnh đất đó. T liên lạc với ông bà Tường G1 và đưa ra thông tin gian dối là: T đang làm việc ở UBND xã X nên được ưu tiên mua mảnh đất đó với giá 465.000.000 đồng, T đã đặt cọc trước 200.000.000 đồng và rủ ông bà Tường G1 góp tiền mua chung vừa để đầu tư, vừa là để sau này cho con. Ông bà Tường G1 tưởng thật nên đồng ý và nói với T cho vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị T3 (anh H là cháu ông bà Tường G1) cùng góp tiền mua mảnh đất trên. T đồng ý và ba bên thống nhất mỗi nhà góp 155.000.000 đồng, sau này chia 03, mỗi nhà một lô. Để tạo niềm tin, T đã mời ông bà Tường G1 và anh chị Hùng T5 đến nhà chơi và đi xem đất. Ngày 17/7/2021, ông T2 và chị T5 từ T, T dẫn hai người đến xem vị trí đất mà UBND xã X thông báo bán đấu giá. Xem xong, ông T2 đã chuyển khoản cho T 60.000.000 đồng vào số tài khoản 320505386850 tại ngân hàng A mang tên Nguyễn Thị T. Ngày 27/7/2021, chị T5 chuyển khoản cho T 40.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền cho T, ông T2 đề nghị T cho xem biên lai đặt cọc. Do không đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất, không đặt cọc nhưng để tạo niềm tin cho ông T2, chị T5, T đã sử dụng một giấy nộp tiền của Ngân hàng A (loại liên 2 giao cho khách hàng), có dấu đã thu tiền và chữ ký chỗ “Thủ quỹ” rồi tẩy xóa, ghi lại nội dung, ngày tháng là: “Ngày 16/7/2021, Nguyễn Thị T nộp 200.000.000 đồng tiền mua 570m² đất tại A1, X” và ký tên “Nguyễn Thị T”, sau đó chụp ảnh gửi qua điện thoại cho ông bà T, anh chị Hùng T5. Do tin tưởng T nên ngày 21/3/2022, ông bà Tường G1 tiếp tục chuyển cho T 30.000.000 đồng, ngày 30/8/2022, anh chị Hùng T5 chuyển cho T 38.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng.

Sau khi đã chuyển tổng số 168.000.000 đồng, ông T2 và anh H nhiều lần nhắn tin liên lạc với T để làm rõ việc T đã mua được đất hay chưa. T lấy nhiều lý do không có thật, nói là chưa làm xong thủ tục. Mặc dù T biết là thửa đất số 30 nói trên đã được bán đấu giá vào tháng 11/2021 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ba người khác. Nhưng để ông T2, anh H tin tưởng chuyển tiền tiếp, T đã xin được sơ đồ thửa đất (khi xã công khai trước khi đấu giá) rồi tự vẽ lại sơ đồ, ghi lại thông tin liên quan vào mặt tờ giấy A4, sau đó tìm

hiếu và thuê một người không quen biết trên mạng xã hội làm giả GCNQSDĐ với giá 6.000.000 đồng. T cung cấp cho người này thông tin cá nhân và các thông tin đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 550m², địa chỉ xã X, huyện X, tỉnh Nam Định để làm giả GCNQSDĐ mang tên mình. Sau đó, thông qua dịch vụ giao hàng, T nhận được GCNQSDĐ giả số CR057992, không ghi ngày tháng, do Phó chủ tịch UBND huyện X cấp cho Nguyễn Thị T. Ngày 12/9/2022, T chụp GCNQSDĐ giả gửi qua phần mềm zalo cho ông bà Tường G1 và vợ chồng anh Hùng T5. Ngày 13/9/2022, T đón xe khách đến tỉnh Ninh Bình rồi thuê xe taxi của một người đàn ông không quen biết đến nhà ông bà Tường G1. Tại đây, T đưa GCNQSDĐ giả cho ông bà Tường G1 và anh chị Hùng T5 xem và nói đang làm thủ tục tách thửa đất thành 3 lô. Ông bà Tường G1 tin tưởng là thật nên tiếp tục đưa cho T 65.000.000 đồng. Ngày 14/9/2022, anh chị Hùng T5 chuyển khoản cho T 30.000.000 đồng để làm thủ tục tách thửa. Sau khi cho xem, T cầm GCNQSDĐ giả về và nói là làm thủ tục tách thửa nhưng sau đó đã hủy GCNQSDĐ giả cùng biên lai thu tiền giả đi.

Khi xem lại GCNQSDĐ T đem vào thấy không ghi ngày, tháng; nghi ngờ là giả nên ông T2 và anh H đã đến UBND xã X tìm hiểu thì được biết thửa đất T dẫn đi xem đã được UBND xã bán đấu giá cho 03 người khác vào cuối năm 2021. Ông T2 và anh H yêu cầu T trả lại số tiền đã chuyển cho T nhưng T nói đã chi tiêu cá nhân hết nên hai người đã tố giác hành vi lừa đảo của Nguyễn Thị T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện X.

Nhận được đơn trình báo của bị hại, Cơ quan CSĐT Công an huyện X tiến hành điều tra, xác minh thu thập các tài liệu liên quan, kết quả như sau:

- Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị T, Cơ quan CSĐT thu giữ 01 tờ giấy A4 một mặt phô tô CMND của bà Đặng Thị M (mẹ chồng T), một mặt là chữ viết nội dung thông tin cá nhân T và sơ đồ thửa đất tự vẽ. Quá trình làm việc, Nguyễn Thị T tự giác giao nộp 16 tờ giấy sao kê tài khoản 320505386850 của mình tại ngân hàng A và 01 điện thoại Iphone 6, vỏ màu vàng, không gắn thẻ sim, đã bị vỡ đập, bong màn hình, đã hỏng không hoạt động được T dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Anh Vũ Văn H giao nộp: Các chứng từ chuyển tiền cho T; hình ảnh, video T nhận tiền; hình ảnh giấy nộp tiền của ngân hàng ngày 16/7/2021; hình ảnh GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Thị T;

- Làm việc với UBND xã X: Ngày 25/10/2021, UBND tỉnh N ra QĐ số 2287 về phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá QSDĐ đối với 11 xã thuộc huyện X. Xã X được phê duyệt đấu giá 20 lô trong đó có 03 lô số 23,24,25 có diện tích lần lượt là 173, 182, 193 m² thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 10 bản đồ xã X lập năm 2014, tổng diện tích 548m². Từ ngày 04 -18/11/2021 UBND xã đã phối hợp với Công ty Đ thông báo và bán hồ sơ. Kiểm tra danh sách công dân mua hồ sơ đấu giá không có ai tên là Nguyễn Thị T. Ngày 21/11/2021, UBND xã

cùng các cơ quan chức năng tổ chức đấu giá tại Nhà văn hóa xã X. Sau khi đấu giá những người trúng thầu hợp pháp thừa 23 là anh Đặng Văn H2, sinh năm 1988, trú tại xóm G, Xuân P; thừa 24 là ông Nguyễn Viết L2, sinh năm 1944, trú tại Xóm G, X; thừa 25 là bà Lê Thị C, sinh năm 1964, trú tại xóm E, X. Hiện tại anh H2, ông L2, bà C đã được cấp GCNQSDĐ, chưa chuyển nhượng cho ai.

- Xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X về bản ảnh GCNQSDĐ số CR057992, tên người sử dụng đất là Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, CCCD số 036177080534 cấp ngày 07/5/2021, địa chỉ: Xóm Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thì số seri CR057992 ghi trên giấy chứng nhận nêu trên văn phòng không quản lý. Kiểm tra dữ liệu ghi trên GCNQSDĐ nêu trên không có dữ liệu về thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 550m², địa chỉ xóm Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đối với Nguyễn Thị T.

- Kết quả làm việc với Ngân hàng A về biên lai thu tiền do T viết và gửi cho ông T2, anh H: Đối chiếu bằng mắt thường nhận thấy các nội dung ghi trên giấy nộp tiền là không đúng quy định. Kiểm tra dữ liệu trên hệ thống từ ngày 18/6/2021 đến 16/7/2021, Nguyễn Thị T không nộp bất kỳ số tiền nào tại phòng G2.

- Tại kết luận giám định số 1112/KL-KTHS ngày 17/7/2023 của phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T trên mẫu so sánh (ký hiệu M2); chữ viết từ dòng 19 đến dòng 22 trên mặt trước, từ dòng 1 đến dòng 14 trên mặt sau, chữ viết dưới mục “Người làm việc ký xác nhận” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 88/CT-VKSXT ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Nguyễn Thị T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ Luật Hình Sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt chính: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** từ 12 năm đến 13 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông **Nguyễn Văn T2** và vợ chồng anh **Vũ Văn H** đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, hiện không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **Nguyễn Thị T**.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 điện thoại Iphone 6, vỏ màu vàng, không gắn thẻ sim, đã bị vỡ đập, bong màn hình thu giữ của bị cáo.

Đối với các tài liệu đã thu giữ khác gồm: Tờ giấy A4 ghi thông tin cá nhân **Nguyễn Thị T**; tờ sơ đồ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính **xã X** năm 2014); các chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của **Nguyễn Thị T**; hình ảnh, video **T** nhận tiền; hình ảnh giấy nộp tiền ngày 16/7/2021; hình ảnh GCNQSDĐ mang tên **Nguyễn Thị T** đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện X**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện X**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại và với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2022, **Nguyễn Thị T** đã đưa ra thông tin gian dối là được ưu tiên mua một mảnh đất của **xã X** với giá rẻ, nếu mua được sẽ bán lại với giá cao hơn nhiều, **T** đã đặt cọc tiền, do thiếu tiền nên rủ vợ chồng ông bà **Tường G1** và vợ chồng anh chị **Hùng T5** góp tiền mua chung.

Để tạo niềm tin cho bị hại, **T** chỉnh sửa giấy nộp tiền của **Ngân hàng A** và sử dụng GCNQSDĐ giả mang tên **Nguyễn Thị T** đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính **xã X** năm 2014, sau đó gửi giấy nộp tiền giả và GCNQSDĐ giả cho vợ chồng ông **Nguyễn Văn T2** và vợ chồng anh **Vũ Văn H** tin tưởng rồi chiếm đoạt tổng số tiền 263.000.000 đồng (vợ chồng ông **T2** 155.000.000 đồng, vợ chồng anh **H** 108.000.000 đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo **T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền chi tiêu cá nhân. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, căn cứ vào nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông **Nguyễn Văn T2** và vợ chồng anh **Vũ Văn H** đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt 263.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền chi phí đi lại, hiện không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Chiếc điện thoại Iphone 6, vỏ màu vàng, không gắn thẻ sim thu giữ của bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội đã bị vỡ đập, bong màn hình, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với các tài liệu khác gồm: Tờ giấy A4 ghi thông tin cá nhân **Nguyễn Thị T**; tờ sơ đồ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính **xã X** năm 2014); các chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của **Nguyễn Thị T**; hình ảnh, video **T** nhận tiền; hình ảnh giấy nộp tiền ngày 16/7/2021; hình ảnh GCNQSDĐ mang tên **Nguyễn Thị T** thu giữ tại nhà **T** sẽ được lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 08 (tám) năm tù;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 34; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 04 (bốn) năm tù;

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** phải chấp hành 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại Iphone 6, vỏ màu vàng, không gắn thẻ sim, đã bị vỡ đập, bong màn hình.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 21/CCTHADS ngày 04/01/2024 giữa **Công an huyện X** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã Xuân Phú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung